

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư, hóa chất cho xét nghiệm Vi sinh của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm vật tư, hóa chất sử dụng cho khoa Huyết Học của Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Quang Trung – Nhân viên khoa Dược, Số điện thoại: 0329.231.195, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 27 tháng 01 năm 2026 đến trước 08h00 ngày 07 tháng 02 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 07 tháng 02 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá.

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thẻ định danh vi khuẩn Gram (+)	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương Thẻ gồm 43 thử nghiệm sinh hóa. Sử dụng với máy VITEK 2 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	900
2	Thẻ định danh vi khuẩn Gram (-)	Thẻ để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men. Thẻ gồm 47 thử nghiệm sinh hóa. Sử dụng với máy VITEK 2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Thẻ	800
3	Thẻ định danh các loài nấm	Thẻ định danh nấm men và các vi sinh vật tương tự nấm men. Thẻ gồm 46 thử nghiệm sinh hóa. Sử dụng với máy VITEK 2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	120

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
4	Thẻ định danh Neisseria/Haemophilus	Thẻ định danh Neisseria-Haemophilus để định danh vi khuẩn khó mọc. Thẻ gồm 30 thử nghiệm sinh hóa. Sử dụng với máy VITEK 2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	160
5	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram (+)	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Sử dụng với máy VITEK 2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	800
6	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram (-)	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Sử dụng với máy VITEK 2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	800
7	Thẻ kháng sinh đồ nấm	Thẻ làm kháng sinh đồ nấm. Mỗi thẻ chứa chất kháng nấm chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Sử dụng với máy VITEK 2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Thẻ	120
8	Nước muối 0.45%	Nước muối 0.45% để pha huyền dịch vi khuẩn cho mẫu xét nghiệm dùng với máy VITEK2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chai ≥ 500 ml.	Chai	25
9	Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) kích thước 12 mm x 75 mm. Dùng một lần, sử dụng với máy VITEK 2. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Ống	1.000
10	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn ST 03	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương dùng cho vi khuẩn liên cầu. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Sử dụng được với máy VITEK 2. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Thẻ	300
11	Chai cấy máu chứa hạt polymer hấp phụ phát hiện vi khuẩn và nấm từ máu dùng cho bệnh nhân là trẻ em	Chai cấy máu cấu tạo bằng polycarbonate, chứa môi trường và 1.6g hạt polime hấp phụ, phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí từ máu. Sử dụng với hệ thống cấy máu BacT/ALERT. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chai ≥ 30 ml.	Chai	2.000
12	Bộ căn chuẩn máy cấy máu	Bộ căn chuẩn máy cấy máu. Sử dụng được với hệ thống cấy máu BacT/ALERT. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Chai	1
13	Môi trường thạch máu cơ bản	Môi trường mục đích chung phát hiện các phản ứng tan huyết đặc trưng khi môi trường được bổ sung với máu vô trùng khử fibrin. Thành phần bao gồm: Peptone mixture, Yeast extract, D-Glucose, Agar, NaCl, pH: $7,3 \pm 0.2$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 500 g.	Hộp	3
14	Môi trường phân lập vi khuẩn đường ruột	Môi trường chọn lọc để kiểm tra vi khuẩn trong mẫu bệnh phẩm và thực phẩm. Thành phần bao gồm: Peptone, Lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal violet, Agar, pH 7.1 ± 0.2 . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 500 g.	Hộp	5
15	Môi trường đặt kháng sinh đồ	Môi trường làm kháng sinh đồ. Thành phần bao gồm: Beef infusion from, Casein hydrolysate, Starch, Agar, pH: 7.3 ± 0.1 . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 500 g.	Hộp	2
16	Môi trường phân lập salmonella shigella	Môi trường chọn lọc phân lập mầm bệnh đường ruột. Thành phần bao gồm: Beef extract, Peptone, Lactose, Sodium thiosulphate, Ferric ammonium citrate, Bile salts, Trisodium citrate, Neutral red, Agar, pH cuối: 7.4 ± 0.2 . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 500 g.	Hộp	6

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
17	Môi trường phân lập nấm	Môi trường nuôi cấy nấm. Thành phần bao gồm: Peptone, D-Glucose, Agar, pH cuối: 5.3 ± 0.2 . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp $\geq 500g$.	Hộp	4
18	Môi trường hiển thị màu vi khuẩn đường niệu	Môi trường nuôi cấy sinh màu để định danh và phân biệt các vi sinh vật chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu. Thành phần bao gồm: Peptone, Chromogenic mix, Agar, pH: 6.8 ± 0.2 . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp $\geq 400g$.	Hộp	5
19	Bộ thuốc nhuộm Gram	Bộ nhuộm gồm 4 chai: Crystal Violet, Lugol, Safranin, Decolor. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chai $\geq 250ml$.	Bộ	60
20	Đĩa thạch pha sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính, pH: 7.3 ± 0.2 ở $25^{\circ}C$. Bao gói bằng màng Cellophane hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 đĩa.	Hộp	900
21	Môi trường pha sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria spp. và Haemophilus	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria spp. và Haemophilus. pH: 7.3 ± 0.2 ở $25^{\circ}C$. Bao gói bằng màng Cellophane hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 đĩa.	Hộp	800
22	Môi trường pha sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật không khó mọc	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn không khó mọc; pH: 7.3 ± 0.2 ở $25^{\circ}C$. Bao gói bằng màng Cellophane. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 đĩa.	Hộp	10
23	Thạch Mueller Hinton + 5% sheep blood	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn khó mọc; pH: 7.3 ± 0.2 ở $25^{\circ}C$. Bao gói bằng màng Cellophane hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 đĩa.	Hộp	60
24	Thạch làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn Hemophilus Influenza	Môi trường được sử dụng cho phương pháp thử nghiệm nhạy cảm với kháng sinh của Haemophilus species, pH: 7.3 ± 0.2 ở $25^{\circ}C$. Bao gói bằng màng Cellophane hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 đĩa.	Hộp	100
25	Môi trường sinh màu dùng cho phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B ở phụ nữ mang thai và trẻ em sơ sinh	Đĩa thạch dùng sẵn để phân lập và xác định nhóm liên cầu B. Thành phần tối thiểu bao gồm: Peptone and yeast extract, Salts, Chromogenic mix, Growth factors mix, Selective mix, Agar. pH: 7.3 ± 0.2 ở $25^{\circ}C$. Bao gói bằng màng Cellophane hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 đĩa.	Hộp	300
26	Môi trường canh thang tăng sinh chọn lọc liên cầu B	Môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS). Thành phần tối thiểu bao gồm: Infusion from 450g fat-free minced meat, Tryptone, Glucose, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Disodium phosphate. pH: 7.8 ± 0.2 ở $25^{\circ}C$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hộp ≥ 10 ống.	Hộp	300
27	Khoanh giấy Amoxicilin+A.clavunanic	- Khoanh giấy Amoxycillin/ Clavulanic acid có nồng độ 20/10mcg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
28	Khoanh giấy Ampicilin	- Khoanh giấy Ampicillin nồng độ $10\mu g$ dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
29	Khoanh giấy Azithromycin	- Khoanh giấy Azithromycin có nồng độ $15\mu g$ dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
30	Khoanh giấy Cefotaxim	- Khoanh giấy Cefotaxime có nồng độ 30µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
31	Khoanh giấy Ceftazidim	- Khoanh giấy Ceftazidime có nồng độ 30 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
32	Khoanh giấy Ceftriaxon	- Khoanh giấy Ceftriaxone có nồng độ 30 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
33	Khoanh giấy Cefuroxime	- Khoanh giấy Cefuroxime nồng độ 30µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
34	Khoanh giấy Ciprofloxacin 5µg	- Khoanh giấy Ciprofloxacin có nồng độ 5 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
35	Khoanh giấy Erythromycin 15µg	- Khoanh giấy Erythromycin có nồng độ 15 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
36	Khoanh giấy Gentamycin	- Khoanh giấy Gentamicin có nồng độ 10 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
37	Khoanh giấy Imipenem	- Khoanh giấy Imipenem có nồng độ 10 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Khoanh giấy có đường kính 6mm.	Khoanh	250
38	Khoanh giấy Meropenem	- Khoanh giấy Meropenem có nồng độ 10 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Khoanh giấy có đường kính 6mm.	Khoanh	250
39	Khoanh giấy Optocin	- Khoanh giấy Optochin được sử dụng để phân biệt Streptococcus pneumoniae và Viridans Streptococci. - Nồng độ Optochin 5mcg - Đường kính đường kính 6 mm.	Khoanh	250
40	Khoanh giấy Oxidase	- Khoanh giấy Oxidase được sử dụng để phát hiện sản xuất oxidase với các vi sinh vật như Neisseria, Campylobacter, Pseudomonas... - Đường kính khoanh giấy 10mm.	Khoanh	250
41	Khoanh giấy X	- Khoanh giấy yếu tố X được sử dụng để phân biệt các loài Haemophilus. - Đường kính khoanh giấy 6mm.	Khoanh	250
42	Khoanh giấy V	- Khoanh giấy yếu tố V được sử dụng để phân biệt các loài Haemophilus. - Đường kính khoanh giấy 6mm.	Khoanh	250
43	Khoanh giấy XV	- Khoanh giấy yếu tố X+V được sử dụng để phân biệt các loài Haemophilus. - Đường kính khoanh giấy 6mm.	Khoanh	250
44	Khoanh giấy Cotrimaxol	- Khoanh giấy Co-Trimoxazole (Trimethoprim/ Sulphamethoxazole) nồng độ 1.25/23.75 mcg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
45	Khoanh giấy Cefepime	- Khoanh giấy Cefepime có nồng độ 30 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
46	Khoanh giấy Vancomycin	- Khoanh giấy Vancomycin nồng độ 30µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
47	Khoanh giấy Clindamycin	- Khoanh giấy Clindamycin có nồng độ 2 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
48	Khoanh giấy Ampicilin+Sulbactam	- Khoanh giấy Ampicillin/Sulbactam có nồng độ 20 µg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250
49	Khoanh giấy Piperracillin/tazobactam	- Khoanh giấy Piperacillin/ tazobactam có nồng độ 100/10 mcg dùng để kiểm tra tính nhạy cảm của vi khuẩn theo phương pháp Bauer-Kirby. - Mỗi khoanh đường kính 6mm.	Khoanh	250

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,KD.

GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Cường

Phụ lục
BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Số TT yêu cầu báo giá	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1		Thiết bị A													
2		Thiết bị B													
3															
Tổng: ... mặt hàng											Tổng thành tiền: (Bằng chữ: ...)				

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))